| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MAI SƠN**<br>**TỈNH SƠN LA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 06/2024/QĐST-VDS | *Mai Sơn, ngày 25 tháng 10 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 11/2024/VDS-HNGĐ ngày 08/10/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân* sự:

- Chị Lò Thị L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Anh Lường Văn T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Lường Văn T và chị Lò Thị L kết hôn với nhau từ năm 2005 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Mai Sơn vào ngày 25/11/2005. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng chục năm thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống và áp lực kinh tế gia đình dẫn đến cãi vã, cuộc sống không hòa thuận, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Sau khi được gia đình hòa giải nhưng anh chị không hàn gắn được tình cảm nên đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Sau thời gian dài sống ly thân, anh chị xác định không thể quay lại chung sống nên quyết định thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, anh T và chị L xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[2] Về con chung trong thời kỳ hôn nhân: Chị L và anh T xác định có 04 con chung là cháu Lò Thị C, sinh năm 2003, cháu Lò Thị Q, sinh ngày 16/7/2006; cháu Lường Thị T, sinh cháu 12/4/2007 và cháu Lường Ngọc Q, sinh ngày 17/12/2009. Cháu Lò Thị C và Lò Thị Q đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với 02 con chưa thành niên, anh chị thỏa thuận: Chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lường Thị T đến tuổi trưởng thành. Anh Lường Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lường Ngọc Q đến tuổi trưởng thành. Anh chị không thỏa thuận trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Q có nguyện vọng ở cùng anh T, cháu Lường Thị T có nguyện vọng ở cùng chị L. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện kinh tế của các bên và đảm bảo cho sự phát triển của con chung, phù hợp với nguyện vọng của các con chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Anh T và chị L thống nhất xác nhận đã tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Anh T và chị L xác nhận không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

[5] Về lệ phí tòa án: Chị Lò Thị L và anh Lường Văn T nhận chịu 50% lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 17 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lường Văn T và chị Lò Thị L.

- Về con chung: Anh chị có 04 con chung và thống nhất: Cháu Lò Thị Chung, sinh năm 2003; cháu Lò Thị Q, sinh ngày 16/7/2006 đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án xem xét. Chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lường Thị R, sinh cháu 12/4/2007 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh Lường Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lường Ngọc Q, sinh ngày 17/12/2009 đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh chị không thỏa thuận trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng cùng nhau.

Sau khi ly hôn, anh T và chị L được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung vợ chồng: Chị T và chị L thống nhất xác nhận đã tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung vợ chồng**:** Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lường Văn T chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 VND (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000001383 ngày 08 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, được trả lại 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Chị Lò Thị L chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã C, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Tráng A Tếnh**